

**TÒA ÁN NH DÂN
HUYỆN PHÚ T,
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 215/2020/DS-ST

Ngày: 21 – 8 – 2020

“V/v đòi tài sản là QSDĐ,-
BTTH ngoài hợp đồng”

**NH DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NH DÂN HUYỆN PHÚ T, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Hồ Thị Kim P

Các Hội thẩm Nh dân:

1. Ông Võ Văn T

2. Ông Dương Văn L

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: ông Nguyễn Tâm Nh – Thư ký Tòa án Nh dân huyện Phú T, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát Nh dân huyện Phú T tham gia phiên tòa:

Ông Lưu Tiến D – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2020 tại Tòa án Nh dân huyện Phú T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 182/2019/TLST-DS ngày 20 tháng 5 năm 2019 về tranh chấp đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 102/2020/QĐST-DS ngày 15 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* bà Lê Thị M, sinh năm 1949 (có mặt).

địa chỉ: Tổ 14, ấp Phú L1, xã Phú Th, huyện Phú T, tỉnh An Giang.

2. *Bị đơn:*

2.1. Bà Lê Thị M1, sinh năm 1949 (vắng mặt);

2.2. Anh Võ Thanh L2, sinh năm 1978 (con ruột bà M1), vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Tổ 14, ấp Phú L1, xã Phú Th, huyện Phú T, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 18-3-2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Thị M trình bày:

Bà với bà Lê Thị M1 (là bị đơn) là chị em sinh đôi, bà M1 và anh L2 mượn vàng không trả nên bà khởi kiện tại Tòa án Nh dân huyện Phú T xét xử Bản án dân sự sơ thẩm số 254/2010/DS-ST ngày 23-12-2010, Tòa án Nh dân tỉnh An Giang xét xử Bản án dân sự phúc thẩm số 87/2011/DS-PT ngày 05-4-2011 đều buộc bà M1 và anh L2 trả cho bà 10 chỉ vàng 24k.

Nhưng bà M1 và anh L2 không tự nguyện thi hành án, đến ngày 16-5-2013 Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú T kê biên tài sản là quyền sử dụng đất nông nghiệp có diện tích 1000m² tại ấp Phú L1, xã Phú Th, huyện Pú T (trong tổng diện tích 4.185m² do anh L2 đứng tên thuộc tờ bản đồ số 07, thửa đất số 582 được UBND huyện Phú T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02316 ngày 15-8-2012).

Qua nhiều lần giảm giá, bán đấu giá không có người tham gia đấu giá, bà M có đơn yêu cầu được nhận 1000m² để trừ nợ 10 chỉ vàng 24k và bà tự nguyện nộp lại số tiền còn dư (30.000.000đ) để cơ quan thi hành án xử lý theo luật định.

Ngày 22-12-2014 Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú T ra Quyết định số 22/QĐ-CCTHADS giao tài sản là 1000m² cho bà M.

Ngày 21-8-2015 Chi cục thi hành án kết hợp cùng các ngành chuyên môn của huyện và chính quyền địa P xã Phú Th tiến hành đo đạc bàn giao cho bà Lê Thị M diện tích 1000m² đất nông nghiệp.

Năm 2017 bà M được Ủy ban Nh dân huyện Phú T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (giấy CNQSDĐ) số vào sổ cấp GCN: CH06025 ngày 22-02-2017, diện tích 1000m² thuộc thửa số 1068, tờ bản đồ số 30, địa chỉ xã Phú Th, huyện Phú T, tỉnh An Giang.

Từ khi nhận đất bà M không canh tác được, do bị anh L2 và bà M1 chiếm đất.

Năm 2018 Ủy ban Nh dân huyện Phú T ban hành Quyết định số 30/QĐ-XPVPHC ngày 12-4-2018 xử phạt vi phạm hành chính đối với bà Lê Thị M1, do bà M1 có hành vi vi phạm hành chính chiếm đất trồng lúa của bà Lê Thị M. Nội dung quyết định có buộc bà M1 phải giao trả 1000m² cho bà M, nếu không tự nguyện chấp hành thì sẽ bị cưỡng chế thi hành theo quy định pháp luật. Tại công văn số 958/UBND-TNMT ngày 28-4-2020 Ủy ban Nh dân huyện Phú T cho biết quyết định xử phạt hành chính nêu trên đến nay chưa được thi hành.

Bà M yêu cầu bà Lê Thị M1 và anh Võ Thanh L2 (con ruột bà bà M1) trả lại 1000m² đất nông nghiệp và bồi thường thiệt hại 500.000đ/vụ, kể từ năm 2014 đến khi xét xử.

Tại phiên tòa bà M xin rút một phần yêu cầu khởi kiện là không đòi 1000m² đất

nông nghiệp, chờ ủy ban huyện thi hành quyết định xử phạt hành chính đối với bà M1, và bà M thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bị đơn bồi thường thiệt hại mỗi vụ 500.000đ, kể từ vụ Hè Thu năm 2017 (thời điểm bà M được cấp giấy CNQSDĐ) đến nay.

Bị đơn là bà Lê Thị M1, anh võ Thanh L2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không có người đại diện tham gia tố tụng và không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, không cung cấp tài liệu, chứng cứ.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, riêng bà Lê Thị M1, anh võ Thanh L2 (là bị đơn) đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, cho thấy bị đơn chưa chấp hành đúng nghĩa vụ tố tụng dân sự. Bà M xin rút một phần yêu cầu khởi kiện là 1000m² và thay đổi yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu bồi thường thiệt hại từ vụ Hè Thu năm 2017 đến nay, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ phần rút yêu cầu 1000m² và chấp nhận việc thay đổi yêu cầu của bà M, vì còn trong phạm vi đơn khởi kiện.

Về giải quyết vụ án, bà Lê Thị M yêu cầu bà Lê Thị M1 và anh Võ thanh L2 trả 1000m² đất nông nghiệp và bồi thường thiệt hại. Việc bà M1 chiếm đất của bà M đã bị Ủy ban Nh dân huyện Phú T xử phạt vi phạm hành chính, bà M yêu cầu bồi thường là có căn cứ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà M. Về án phí, theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, lẽ ra bà M1 được miễn tiền án phí do là người cao tuổi nhưng bà không có đơn xin miễn tiền án phí, nên bà M1 và anh L2 phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: bà Lê Thị M khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị M1, anh Võ Thanh L2 đòi đất nông nghiệp và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, Tòa án thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 2 và khoản 6 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bà Lê Thị M1, anh Võ Thanh L2 (là bị đơn) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không có người đại diện, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà M1 và anh L2.

[2] Bà Lê Thị M xin rút một phần yêu cầu khởi kiện là 1000m² đất nông nghiệp và thay đổi yêu cầu khởi kiện bồi thường thiệt hại từ vụ Hè Thu năm 2017 đến nay. Xét thấy, việc rút yêu cầu nói trên là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu

của bà M về đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất 1000m², và việc thay đổi yêu cầu khởi kiện còn trong phạm vi đơn khởi kiện theo quy định tại Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về nội dung:

[4] Xét yêu cầu của bà Lê Thị M yêu cầu bà Lê Thị M1 và anh Võ Thanh L2 bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, Hội đồng xét xử thấy rằng, bà M được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đã được Nhà nước công nhận có quyền sử dụng đất. Do bà M1 và anh L2 (con ruột bà M1) chiếm đất nên bà M không canh tác được từ lúc được giao đất đến nay, làm ảnh hưởng quyền lợi của bà M. Hơn nữa, năm 2018 Ủy ban Nh dân huyện Phú T đã xử phạt vi phạm hành chính đối với bà M1 về hành vi chiếm đất 1000m² và buộc bà M1 phải giao trả đất cho bà M, nhưng bà M1 và anh L2 vẫn giữ đất canh tác mà không tự nguyện thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính của Ủy ban Nh dân huyện. Như vậy, bà M1 và anh L2 đã xâm phạm quyền sử dụng đất của bà M theo quy định tại khoản 5 Điều 166 Luật Đất đai năm 2013, nên bà M1 và anh L2 là người hoàn toàn có lỗi và phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho bà M. Căn cứ khoản 1 Điều 584 Bộ luật Dân sự 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu bồi thường thiệt hại của bà M và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[5] Về xác định thiệt hại, bà M yêu cầu bồi thường thiệt hại 500.000đ/vụ kể từ Vụ Hè Thu năm 2017 đến nay. Bà M không canh tác đất, không đầu tư chi phí sản xuất lúa nếp (cày xới, giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật,), nên chỉ tính thiệt hại là lợi nhuận sau khi trừ chi phí sản xuất.

[6] Theo công văn số 219/PNNPTNT ngày 12-8-2020 của Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Phú T, lợi nhuận các vụ lúa nếp từ Vụ Hè Thu năm 2017 đến nay Vụ Đông Xuân 2020 là 09 vụ như sau:

- Vụ Hè Thu năm 2017: lợi nhuận 1.671.100đ;
- Vụ Thu Đông năm 2017: lợi nhuận 2.147.200đ;
- Vụ Đông Xuân năm 2018: lợi nhuận 3.139.300đ;
- Vụ Hè Thu năm 2018: lợi nhuận 882.200đ;
- Vụ Thu Đông năm 2018: lợi nhuận 1.698.900đ;
- Vụ Đông Xuân năm 2019: lợi nhuận 1.931.700đ;
- Vụ Hè Thu năm 2019: lợi nhuận 2.219.500đ;
- Vụ Thu Đông năm 2019: lợi nhuận 2.913.700đ;
- Vụ Đông Xuân năm 2020: lợi nhuận: 2.531.700đ.

[7] Lợi nhuận nêu trên cao hơn yêu cầu của bà M, nên chấp nhận thiệt hại theo yêu cầu của bà M là 500.000đ/vụ x 09 Vụ = 4.500.000đ.

[8] Căn cứ vào khoản 2 Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015, buộc bà Lê Thị M1 và anh Võ Thanh L2 có trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại cho bà M số tiền 4.500.000đ.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm, bà Lê Thị M1 là người cao tuổi (71 tuổi) nhưng bà không có đơn xin miễn tiền án phí theo quy định, nên bà không được miễn tiền án phí. Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận toàn bộ, bị đơn là bà Lê Thị M1 và anh Võ Thanh L2 phải chịu toàn bộ tiền án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 584, khoản 2 Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị M. Buộc bà Lê Thị M1 và anh Võ Thanh L2 có trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại cho bà Lê Thị M số tiền 4.500.000đ (*bằng chữ: bốn triệu năm trăm nghìn đồng*).

2. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hằng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị M là 1000m² đất nông nghiệp, thuộc thửa đất số 1068, tờ bản đồ số 30, địa chỉ xã Phú Th, huyện Phú T, tỉnh An Giang, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN: CH06025 ngày 22-02-2017 do Ủy ban Nh dân huyện Phú T cấp cho Bà Lê Thị M đứng tên.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Lê Thị M1 và anh Võ Thanh L2 phải chịu 300.000đ.

5. Bà Lê Thị M có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên; bà Lê Thị M1 và anh Võ Thanh L2 vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú T;
- Chi cục THADS H. Phú T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Thị Kim P

